



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104121

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110412101

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt - (04096)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910110001	Bùi Đông Anh	17/07/1997		9,0	chín	C21KT	
2	1910110020	Lâm Thị Kim Bông	28/06/2001		10	mười	C21KT	
3	1910110010	Nguyễn Mạnh Cường	06/09/1993		9,0	chín	C21KT	
4	1910110005	Trần Thị Mỹ Duyên	10/08/2001		9,0	chín	C21KT	
5	1910110014	Đặng Thị Hồng Huy	19/08/2001		8,0	tám	C21KT	
6	1910110007	Trần Thị Thanh Hương	10/10/2001		9,0	chín	C21KT	
7	1910110006	Trần Thị Kim Loan	17/01/2001		10,0	mười	C21KT	
8	1910110012	Lê Thành Lộc	23/11/2001		9,0	chín	C21KT	
9	1810110018	Lê Thị Huyền Nhi	23/12/2000		8,0	tám	C20KT	
10	1910110008	Nguyễn Hoàng Lê Nhi	21/12/2001		7,0	bảy	C21KT	
11	1910110013	Lê Thị Cẩm Nhung	07/09/2001		8,0	tám	C21KT	
12	1910110004	Nguyễn Thị Nam Phương	06/07/2001		10,0	mười	C21KT	
13	1910110019	Lê Thu Thảo	05/07/2001		10,0	mười	C21KT	
14	1910110002	Lê Bảo Trân	21/10/2001		8,0	tám	C21KT	
15	1910100010	Trịnh Kim Tường Vy	02/11/2001		8,0	tám	C21KT	
16	1910110003	Đào Thụy Khánh Xuân	02/10/2000		9,0	chín	C21KT	
17	1910110021	Nguyễn Thị Kim Yến	26/11/1998		9,0	chín	C21KT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 vắng thi: 00 . Số bài thi: 17 / 17 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 14 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 23 tháng 03 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hồng Đạt

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104121

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110412101

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt - (04096)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910110001	Bùi Đông Anh	17/07/1997		8,0	Tau	C21KT	
2	1910110020	Lâm Thị Kim Bông	28/06/2001		5,0	Nam	C21KT	
3	1910110010	Nguyễn Mạnh Cường	06/09/1993		8,0	Bay	C21KT	
4	1910110005	Trần Thị Mỹ Duyên	10/08/2001		5,0	Nam	C21KT	
5	1910110014	Đặng Thị Hồng Huy	19/08/2001		3,5	Ba, Nam	C21KT	
6	1910110007	Trần Thị Thanh Hương	10/10/2001		6,0	Sau	C21KT	
7	1910110006	Trần Thị Kim Loan	17/01/2001		3,5	Bon	C21KT	4,0
8	1910110012	Lê Thành Lộc	23/11/2001		3,0	Ba	C21KT	
9	1810110018	Lê Thị Huyền Nhi	23/12/2000		4,0	Bon	C20KT	
10	1910110008	Nguyễn Hoàng Lê Nhi	21/12/2001		6,0	Sau	C21KT	
11	1910110013	Lê Thị Cẩm Nhung	07/09/2001		3,5	Ba, Nam	C21KT	
12	1910110004	Nguyễn Thị Nam Phương	06/07/2001		5,5	Nam, Nam	C21KT	
13	1910110019	Lê Thu Thảo	05/07/2001		5,0	Nam	C21KT	
14	1910110002	Lê Bảo Trân	21/10/2001		3,5	Ba, Nam	C21KT	
15	1910100010	Trịnh Kim Tường Vy	02/11/2001		7,5	Bay, Nam	C21KT	
16	1910110003	Đào Thụy Khánh Xuân	02/10/2000		9,0	chín	C21KT	
17	1910110021	Nguyễn Thị Kim Yến	26/11/1998		9,0	chín	C21KT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 vắng thi: 00 . Số bài thi: 17 / 17 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 14 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 14 tháng 03 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hồng Đạt.



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104121

Mã lớp học phần: MH110412101

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Hồng Đạt

Ngày thi: 12/04/2021

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Lê Trung Sơn

Ký tên:

Giám thị 2: Nguyễn Trần Dũng

Ký tên:

Giám thị 3:

Ký tên:

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910110001	Bùi Đông Anh	17/07/1997		1	5,0	Năm chẵn	C21KT	
2	1910110020	Lâm Thị Kim Bông	28/06/2001		1	5,0	Năm chẵn	C21KT	
3	1910110010	Nguyễn Mạnh Cường	06/09/1993		1	5,5	Năm phẩy Năm	C21KT	
4	1910110005	Trần Thị Mỹ Duyên	10/08/2001		1	5,0	Năm chẵn	C21KT	
5	1910110014	Đặng Thị Hồng Huy	19/08/2001		1	5,0	Năm chẵn	C21KT	
6	1910110007	Trần Thị Thanh Hương	10/10/2001		1	5,5	Năm phẩy Năm	C21KT	
7	1910110006	Trần Thị Kim Loan	17/01/2001		1	5,5	Năm phẩy Năm	C21KT	
8	1910110012	Lê Thành Lộc	23/11/2001		1	5,0	Năm chẵn	C21KT	
9	1810110018	Lê Thị Huyền Nhi	23/12/2000		1	0,5	Không phẩy Năm	C20KT	
10	1910110008	Nguyễn Hoàng Lê Nhi	21/12/2001		1	5,0	Năm phẩy Năm	C21KT	
11	1910110013	Lê Thị Cẩm Nhung	07/09/2001		1	5,0	Năm chẵn	C21KT	
12	1910110004	Nguyễn Thị Nam Phương	06/07/2001		1	5,0	Năm chẵn	C21KT	
13	1910110019	Lê Thu Thảo	05/07/2001		1	5,0	Năm chẵn	C21KT	
14	1910110002	Lê Bảo Trân	21/10/2001		1	3,5	Ba phẩy Năm	C21KT	
15	1910100010	Trịnh Kim Tường Vy	02/11/2001		1	5,0	Năm chẵn	C21KT	
16	1910110003	Đào Thụy Khánh Xuân	02/10/2000		1	5,5	Năm phẩy Năm	C21KT	
17	1910110021	Nguyễn Thị Kim Yên	26/11/1998		1	5,5	Năm phẩy Năm	C21KT	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 17 vắng thi: 02 . Số bài thi/Số tờ: 17 / 17 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 14 / 4 / 21 tháng năm

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 19 / 4 / 21 tháng năm

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Hồng Đạt

ThS. Hồ Thiện Thông Minh